

Số: 23 /2011/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 18 tháng 11 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về quản lý công nghệ
trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 29/11/2006;

Căn cứ Nghị định số 133/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Thông tư số 10/2009/TT-BKHCN ngày 24/4/2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên tại Tờ trình số 20/TTr-SKHCN ngày 19 tháng 10 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ tư pháp);
- Như Điều 3;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo và các CV Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học-Công báo (để đăng tải);
- Lưu: VT, NN.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thông

QUY ĐỊNH

Quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23 /2011/QĐ-UBND
ngày 19 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cụ thể về thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư, chuyển giao công nghệ và dịch vụ chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này được áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về công nghệ; cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư; các tổ chức, cá nhân người Việt Nam hoặc người nước ngoài liên quan trong hoạt động đầu tư công nghệ, chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Công nghệ* là giải pháp, quy trình, bí quyết kỹ thuật có kèm hoặc không kèm công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm.

2. *Chuyển giao công nghệ* là chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng một phần hoặc toàn bộ công nghệ từ bên có quyền chuyển giao công nghệ sang bên nhận công nghệ.

3. *Đánh giá công nghệ* là hoạt động xác định trình độ, giá trị, hiệu quả kinh tế và tác động kinh tế - xã hội, môi trường của công nghệ.

4. *Giám định công nghệ* là hoạt động kiểm tra, xác định các chỉ tiêu của công nghệ đã được chuyển giao so với các chỉ tiêu của công nghệ được quy định trong hợp đồng chuyển giao công nghệ.

5. *Thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư* là quá trình xem xét, đánh giá công nghệ của dự án; các sản phẩm do công nghệ tạo ra, thị trường sản phẩm; thiết bị trong dây chuyền công nghệ; nguyên, nhiên vật liệu, linh kiện, phụ tùng cho sản xuất; hiệu quả của dự án và những vấn đề khác có liên quan để kiến nghị việc phê duyệt dự án đầu tư.

6. *Dịch vụ chuyển giao công nghệ* là hoạt động hỗ trợ quá trình tìm kiếm, giao kết và thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ.

7. *Tư vấn chuyển giao công nghệ* là hoạt động hỗ trợ các bên trong việc lựa chọn công nghệ, đàm phán, ký kết và thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ.

8. *Môi giới chuyển giao công nghệ* là hoạt động hỗ trợ bên có công nghệ, bên cần công nghệ trong việc tìm kiếm đối tác ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Đối tượng thẩm tra công nghệ

1. Các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Hưng Yên thuộc thẩm quyền chấp thuận đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh.
2. Các dự án không thuộc khoản 1 Điều này khi các tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

Điều 5. Nội dung, trình tự, thủ tục thẩm tra công nghệ

Nội dung, trình tự, thủ tục thẩm tra công nghệ được thực hiện theo Thông tư 10/2009/TT-BKH-CN ngày 24 tháng 4 năm 2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư.

Điều 6. Thẩm quyền tổ chức thẩm tra công nghệ

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức thẩm tra công nghệ các đối tượng theo Điều 4 của Quy định này.

Điều 7. Quy định về công nghệ được chuyển giao

1. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân ứng dụng công nghệ tiên tiến, đối với một số trường hợp có thể ứng dụng công nghệ phù hợp với trình độ sản xuất và điều kiện của địa phương, nhưng cần giải trình rõ những ưu điểm khi áp dụng công nghệ này và lý giải được tính phù hợp của công nghệ được áp dụng.
2. Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao; Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao; Danh mục công nghệ cấm chuyển giao được quy định theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 Luật Chuyển giao công nghệ và Điều 5 Nghị định số 133/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 133/2008/NĐ-CP).

Điều 8. Chuyển giao công nghệ có sử dụng vốn nhà nước

Chuyển giao công nghệ có sử dụng vốn nhà nước được thực hiện theo Điều 4 Nghị định số 133/2008/NĐ-CP.

Điều 9. Đăng ký, đăng ký bổ sung, sửa đổi hợp đồng chuyển giao công nghệ

1. Hợp đồng chuyển giao công nghệ không bắt buộc phải đăng ký, nhưng đại diện các bên tham gia giao kết hợp đồng có quyền đăng ký nếu có nhu cầu. Hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ được lập theo Điều 7 Nghị định số 133/2008/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.
2. Đối với Hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao, Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ là cơ sở để được hưởng các ưu đãi theo quy định của Nghị định số 133/2008/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký, nếu các bên có thỏa thuận bổ sung, sửa đổi nội dung hợp đồng, thì phải gửi hợp đồng bổ sung, sửa đổi đến Sở Khoa học và Công nghệ để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung, sửa đổi hợp đồng.

Điều 10. Kiểm tra công nghệ sau đầu tư và hoạt động chuyển giao công nghệ

1. Kiểm tra việc tiếp nhận công nghệ của đơn vị có dự án đầu tư nhằm phát hiện kịp thời và xử lý những hành vi đầu tư công nghệ sai khác so với hồ sơ đã được thẩm tra, làm ảnh hưởng xấu tới chất lượng sản phẩm và môi trường. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối tổ chức kiểm tra trong và sau khi hoàn thành việc đầu tư công nghệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm kiểm tra hoạt động chuyển giao công nghệ theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 133/2008/NĐ-CP.

Điều 11. Giám định công nghệ

1. Để kiểm tra, xác định các chỉ tiêu của công nghệ đã được chuyển giao, Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về chuyển giao công nghệ có quyền trưng cầu giám định công nghệ.

2. Các tổ chức, cá nhân khác có quyền, lợi ích liên quan đến chuyển giao công nghệ, tranh chấp, vi phạm, khiếu nại, tố cáo về chuyển giao công nghệ có quyền yêu cầu giám định công nghệ.

Điều 12. Báo cáo, thống kê hoạt động chuyển giao công nghệ

1. Hàng năm trước ngày 15 tháng 01, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Hưng Yên có trách nhiệm báo cáo tình hình đầu tư công nghệ, chuyển giao công nghệ năm trước của đơn vị gửi về Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

Điều 13. Dịch vụ chuyển giao công nghệ

1. Khuyến khích tổ chức, cá nhân có đủ năng lực hoạt động dịch vụ chuyển giao công nghệ như: Môi giới chuyển giao công nghệ, tư vấn chuyển giao công nghệ, đánh giá công nghệ, định giá công nghệ, giám định công nghệ, xúc tiến chuyển giao công nghệ.

2. Tổ chức, cá nhân thành lập tổ chức dịch vụ chuyển giao công nghệ phải đăng ký hoạt động và chỉ được tiến hành hoạt động dịch vụ chuyển giao công nghệ sau khi đã được đăng ký theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ và Thông tư số 02/2010/TT-BKHHCN ngày 18/3/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thành lập và đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ.

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về Quản lý công nghệ.

b) Tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về công nghệ. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức và nghiệp vụ về thẩm tra công nghệ, chuyển giao công nghệ cho các tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh.

c) Hướng dẫn, quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ, bao gồm: Chuyển giao công nghệ, đánh giá, định giá, giám định công nghệ, môi giới và tư vấn chuyển giao công nghệ. Thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh và các tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu. Tham gia Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

d) Cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung, sửa đổi hợp đồng chuyển giao công nghệ theo quy định.

đ) Tổ chức kiểm tra công nghệ trong và sau khi đầu tư.

e) Hàng năm, đôn đốc các tổ chức, cá nhân đã đầu tư công nghệ, chuyển giao công nghệ lập báo cáo và tổng hợp báo cáo theo Điều 12 Quy định này. Thống kê tình hình đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ của năm trước, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ.

g) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo và xử lý các vi phạm pháp luật về hoạt động thẩm tra công nghệ, đánh giá, giám định công nghệ và hoạt động chuyển giao công nghệ; hoạt động cung ứng và sử dụng các dịch vụ chuyển giao công nghệ theo quy định của pháp luật. Trưng cầu hoặc yêu cầu giám định công nghệ trong trường hợp cần thiết.

h) Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đổi mới công nghệ.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành liên quan.

a) Các cơ quan tiếp nhận hồ sơ xin chấp thuận đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh có trách nhiệm gửi hồ sơ xin chấp thuận đầu tư tới Sở Khoa học và Công nghệ để thẩm tra công nghệ của dự án đầu tư.

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc kiểm tra hoạt động chuyển giao công nghệ, thẩm tra và giám định công nghệ, hoạt động cung ứng và sử dụng dịch vụ chuyển giao công nghệ thuộc thẩm quyền được phân cấp thuộc lĩnh vực đơn vị phụ trách.

c) Chỉ đạo các đơn vị thuộc quyền quản lý đẩy mạnh hoạt động áp dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, đổi mới công nghệ bằng vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước hoặc từ các nguồn vốn khác.

Điều 15. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đầu tư

1. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm gửi báo cáo đầu tư công nghệ về Sở Khoa học và Công nghệ theo khoản 1 Điều 12 Quy định này.

2. Các tổ chức, cá nhân đã đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ có trách nhiệm:

a) Trong vòng 12 tháng sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ, các bên phải thực hiện việc chuyển giao công nghệ.

b) Trong quá trình chuyển giao công nghệ phải báo cáo tiến độ thực hiện theo yêu cầu và chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan.

c) Khi Hợp đồng chuyển giao công nghệ hết hiệu lực thì Bên giao và Bên nhận công nghệ phải lập biên bản đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ. Bên nhận phải gửi Biên bản đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ cho Sở Khoa học và Công nghệ trong vòng 30 ngày kể từ ngày hai bên ký kết biên bản.

Điều 16. Điều khoản thi hành

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc phát sinh hoặc cần sửa đổi, bổ sung thì các tổ chức, cá nhân và các cơ quan liên quan phản ánh bằng văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thông